

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 19/GOODPRICE/2022



I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GOODPRICE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 08 Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 1900636299 Fax:

E-mail: sales@goodprice.vn

Mã số doanh nghiệp: 0313349134

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **TRÀ GẠO LÚT ĐẬU ĐEN – BROWN RICE AND BLACK BEANS TEA**

2. Thành phần: 50% Đậu đen, 50% Gạo lứt, không hương liệu, không chất bảo quản.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao gói: Sản phẩm được đóng gói vào túi lọc bằng giấy, bên ngoài là bao túi nhựa PE, PET; ngoài cùng hộp giấy. Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh.
- Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 2 g, 40 g (20 túi X 2 g), 140 g (20 túi X 7 g), 300 g, 400 g, 500 g, 1 kg, 5 kg, 20 kg, 25 kg hoặc theo yêu cầu của thị trường và được ghi rõ trên bao bì.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GOODPRICE VIỆT NAM – XƯỞNG SẢN XUẤT

Địa chỉ: 1015 – 1015A Nguyễn Văn Bứa, Ấp 6, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số giấy chứng nhận ISO 22000:2018: GOODVN45022.FSMS-1, Ngày cấp: 07/11/2022, Nơi cấp: Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc gia Good Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT (Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm).
- QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm).
- QCVN 8-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm).
- Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2022



Lê Thái Phương

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT SẢN PHẨM

PHỤ LỤC YÊU CẦU KỸ THUẬT

Tên sản phẩm: **TRÀ GẠO LỨT ĐẬU ĐEN – BROWN RICE AND BLACK BEANS**

Số công bố sản phẩm: 19/GOODPRICE/2022

Ngày ban hành: 05/10/2022



1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng túi lọc nhỏ bên trong là bột, tơi, khô, không vón cục.
- Màu: Màu đặc trưng của sản phẩm.
- Mùi: Mùi thơm của gạo lứt và đậu đen, mùi đặc trưng của sản phẩm.
- Vị: Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.
- Tạp chất: Không có.

2. Các chỉ tiêu chất lượng:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
01	Độ ẩm, không lớn hơn	%	15
02	Carbohydrate, trong khoảng	%	45,5 – 84,5

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^6
2	Coliforms	CFU/g	10^3
3	E.coli	CFU/g	10^2
4	S.aureus	CFU/g	10^2
5	Clostridium perfringens	CFU/g	10^2
6	Bacillus cereus	CFU/g	10^2
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^3

4. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1

02	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,2
----	--------------------	-------	-----

5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn (hóa chất bảo vệ thực vật, hóa chất khác): Theo quy định hiện hành đối với nhóm ngũ cốc.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa cho phép
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	4,0

6. Hướng dẫn sử dụng:

- Cho 1 túi trà Goce vào ly, rót thêm 150ml – 200ml nước sôi. Chờ từ 7 phút – 10 phút, nhúng túi trà vài lần trước khi sử dụng. Thường thức nóng hoặc lạnh tùy sở thích.
- Trà gạo lứt đậu đen dùng làm thức uống giải khát hàng ngày.

7. Điều kiện bảo quản:

Nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

8. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn. Sản phẩm không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh. Hiệu quả mang đến sẽ tùy thuộc vào thời gian sử dụng và cơ địa của mỗi người.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2022



Lê Thái Phương

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 06/09/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X20310659

Mã KQ/ RP. No: 001028466.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GOODPRICE VIỆT NAM / GOOPRICE VIETNAM CO.,LTD
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Tầng 08 Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / 8th Floor, Pearl Plaza Office Tower, 561A Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 01/09/2023
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 01/09/2023 - 06/09/2023
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : TRÀ GẠO LÚT ĐẬU ĐEN - BROWN RICE AND BLACK BEANS TEA
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi zip / Sample contained in zip package
7. Bảng kết quả/ Results Table :



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 06/09/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X20310659

Mã KQ/ RP. No: 001028466.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Độ ẩm (*) / Moisture (*)	5.31	%	-	TCVN 5613:2007
2	LS Carbohydrate (*) / Carbohydrate (*)	75.6	%	-	TS-KT-HCB-004:2020
3	LS Aflatoxin (tổng B ₁ ,B ₂ ,G ₁ ,G ₂) (*) / Aflatoxin (sum of B ₁ ,B ₂ ,G ₁ ,G ₂) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
4	LS Aflatoxin B ₁ (*) / Aflatoxin B ₁ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
5	LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.030	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
6	LS Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
7	LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	5.0x10 ¹	CFU/g	-	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
8	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
9	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
10	LS Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.53
11	LS Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
12	LS Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 980.31
13	LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- 5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04